

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 91/2024/HS-ST

Ngày: 16/4/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vũ Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Tấn Độ

Ông Phạm Minh Khiết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2024/TLST-HS ngày 25/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HS ngày 01/04/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1987, tại: Long An; Hộ khẩu thường trú: 11x/xx/x HTL, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh;住所: Như trên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thợ điện; Họ và tên cha: Nguyễn Văn X, sinh năm 1961; Họ và tên mẹ: Lê Thị Đ, sinh năm 1962; Họ và tên vợ: Diệp Thị Cẩm T, sinh năm 1987; Bị cáo có 01 con: sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/6/2023 (*Bị cáo có mặt*);

2. Hồ Duy TM; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1995, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 2x LTA, tổ x, ấp HT, xã TA, huyện CCH, Thành phố Hồ Chí Minh;住所: Như trên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Hồ Văn D, sinh năm: 1957; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1957; Họ và tên vợ: Lâm Thị Linh H, sinh năm 1994; Bị cáo có 02 con: Lớn, sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 06/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện CCH, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai

nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng. Bị can chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ngày 11/11/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/6/2023 (*Bị cáo có mặt*);

3. Nguyễn Ngọc H; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1995, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Tổ x, KP6, thị trấn CCH, huyện CCH, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Như trên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1933; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1945 (đã chết); Họ và tên vợ: Nguyễn Hiếu N, sinh năm: 1998; Bị cáo có 01 con: sinh năm 2018; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 24/4/2020, bị Tòa án nhân dân huyện CCH, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/6/2023 (*Bị cáo có mặt*);

4. Trần Vũ Hoàng TR; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1993, Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 1xx/x HMM, ấp 4x, TTĐ, huyện CCH, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Như trên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Trần Văn N, sinh năm 1957; Họ và tên mẹ: Trần Thị M, sinh năm 1956; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 23/9/2020, bị Tòa án nhân dân huyện CCH, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/6/2023 (*Bị cáo có mặt*);

5. Diệp Thị Cẩm T; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1987, tại: Bến Tre; Hộ khẩu thường trú: 11x/xx/x HTL, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Như trên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Họ và tên cha: Diệp Ngọc T, sinh năm 1955; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1957; Họ và tên chồng: Nguyễn Văn S, sinh năm 1987; Bị cáo có 01 con: sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2023 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

- Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: Anh Võ Quốc V, sinh năm 1987; Địa chỉ: 17x/1x HVL, KP1, phường BHNB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho bị cáo các bị cáo Nguyễn Văn S và Diệp Thị Cẩm T: Ông Trương Anh Tú, Luật sư Công ty Luật TNHH Trương Anh Tú thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

Người bào chữa cho bị cáo các bị cáo Hồ Duy TM, Nguyễn Ngọc H và Trần Vũ Hoàng TR: Ông Đặng Xuân Cường, Luật sư Công ty Luật TNHH Trương Anh Tú thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Quốc V có vay mượn của Nguyễn Văn S số tiền 1.400.000.000 đồng (trong đó 1 tỷ lãi suất 3%/tháng, còn 400 triệu lãi suất 4%/tháng) từ tháng 06/2022 đến nay nhưng anh V không trả tiền (anh V nhiều lần hứa hẹn trả tiền). Vào khoảng 18 giờ ngày 01/02/2023, S đi cùng Diệp Thị Cẩm T (vợ S) và con gái (07 tuổi) đến địa chỉ 17x/1x HVL, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh tìm anh V để đòi nợ. Sau khi xác định anh V đang ở địa chỉ 17x/1x HVL thì S gọi điện thoại thông báo địa điểm cho Hồ Duy TM (em vợ S) biết để đi đến giúp S đòi tiền nợ, TM đồng ý và gọi điện rủ Trần Vũ Hoàng TR và Nguyễn Ngọc H đi cùng TM đến giúp S đòi nợ anh V thì TR, H đồng ý đi cùng TM. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, S và T phát hiện anh V đi ra đầu hẻm 17x HVL nên chặn anh V lại, đưa anh V về trước nhà số 18x HVL (gần đối diện hẻm 17x HVL) để nói chuyện về việc trả nợ. Khoảng 10 phút sau, TM điều khiển xe mô tô Honda Vario, màu đỏ, BS: 59Y3- 72xxx đi cùng TR điều khiển xe mô tô Honda Wave, màu đỏ, biển số 59N1 – 67xxx chở H đến địa điểm S, T và anh V đang nói chuyện. Do TM đã biết anh V nợ tiền của vợ chồng S, nhiều lần hứa hẹn không trả tiền nên khi đến nơi TM xuống xe dùng tay phải đánh vào mặt anh V một cái và tiếp tục cùng với S, T, TR, H đứng xung quanh để tiếp tục đòi nợ anh V. Sau đó, T đi vào nhà 17x/1x HVL gọi bà Huỳnh Thị H (mẹ V) và Trần Thị Huyền T (vợ V) để yêu cầu trả nợ cho anh V. Trong lúc này, TM, H và TR (S vừa dẫn con gái đi vệ sinh nên không có mặt) canh giữ anh V và TM dùng khuỷu tay trái đánh vào mặt anh V một lần nữa. Tiếp đó, T quay trở lại đi cùng bà H và chị T để tiếp tục nói chuyện trả nợ cho V. Tại đây, bà H có hứa hẹn với S là sẽ về quê bán đất dưới Long An để trả nợ cho anh V, đồng thời chị T cũng nói sẽ bán xe mô tô của mình để trả nợ cho S nhưng S không đồng ý và yêu cầu anh V đi cùng đến khách sạn nghỉ ngơi để sáng ngày mai (02/02/2023) cùng bà H về quê ở Long An làm thủ tục bán đất thì S đưa anh V về Long An chứng kiến việc bà H làm thủ tục bán đất. Lúc này, bà H, chị T và anh V không đồng ý để anh V đi cùng S, T, TM, TR, H nhưng do bên phía S đông người nên anh V sợ không dám phản kháng. Lúc này, S kêu chị T vào lấy quần áo cho anh V, trong lúc chị T vào nhà, bà H ở lại thì S yêu cầu anh V lên xe mô tô Honda Vario, màu đỏ, biển số 59Y3- 72xxx để TM chở. Mặc dù không muốn đi theo S nhưng do bị ép buộc, sợ tiếp tục bị đánh nên anh V lên xe mô tô Honda Vario do TM điều khiển, anh V ngồi giữa, còn S ngồi phía sau để canh giữ không cho anh

V bỏ trốn, còn TR điều khiển xe mô tô Honda Wave chở H chạy theo sau để canh chừng đề phòng anh V phản kháng bỏ chạy, còn T điều khiển xe mô tô chở con gái về nhà ở TP. Sau đó, khoảng 21 giờ cùng ngày, anh V bị đưa đến khách sạn HM, địa chỉ xx VL, phường TT, quận TP, S có ý định đưa anh V đến khách sạn thuê phòng nhưng đổi ý nên yêu cầu TM điều khiển xe chở anh V về nhà của S tại địa chỉ 11x/2x/x HTL, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (lúc này S vẫn ngồi phía sau, TR chở H điều khiển xe mô tô chạy theo sau S). Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/02/2023, anh V được đưa về nhà của S tại địa chỉ 11x/xx/x HTL. Tại đây, anh V nằm trên võng tại phòng khách, S và T ngồi nói chuyện với anh V về việc yêu cầu trả nợ cho S, còn TM, TR và H ngồi trước cửa nhà canh giữ nhằm đề phòng anh V bỏ trốn. Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01/02/2023, do không rõ anh V bị đưa đi đâu, lo sợ anh V bị đánh đập nên chị T gọi điện thoại cho T thì được biết anh V đang ở nhà tại 11x/xx/x HTL, đồng thời chị T nhờ người thân là ông Lê Minh P giúp đỡ. Sau đó ông P đã sử dụng số điện thoại 0937391xxx nhắn tin vào số điện thoại 0933874xxx của S với nội dung “*Tôi là anh của V, tôi sẽ đại diện gia đình thỏa thuận giải quyết nợ giữa anh S và V. Cứ bình tĩnh đừng để sự việc quá mức dẫn đến vi phạm pháp luật*”. Đến 23 giờ 30 phút, T gọi điện thoại cho T biết đã trình báo cơ quan Công an về việc V bị bắt giữ. Sau đó khoảng 30 phút sau, TM, TR và H đi về, còn S khóa cửa nằm trong nhà cùng với V, còn T cùng con gái ở trên tầng trên. Đến khoảng 00 giờ 45 phút ngày 02/02/2023, S cùng T nói chuyện với anh V là sẽ đưa anh V đến cơ quan Công an để làm rõ, nhưng anh V không đồng ý mà muốn về nhà tại 17x/1x HVL nên S và T đồng ý. Sau đó, S đặt xe ô tô 4 chỗ dịch vụ Grab nhưng không đặt xe đi về nhà 17x/1x HVL mà đặt xe đi về Công an xã PT, huyện CD, tỉnh Long An (do S đã có trình báo công an xã anh V không trả nợ nên muốn đưa V đến đây để làm rõ). Khi lên xe ô tô đi được một đoạn đường, phát hiện xe không phải đi về nhà 17x/1x HVL nên anh V phản ứng đòi mở cửa xuống xe nên S đã yêu cầu tài xế xe ô tô Grab điều khiển xe đưa tất cả về nhà 17x/1x HVL. Khi về đến nhà 17x/1x HVL, Công an phường BHNB đang làm việc với chị T và mời tất cả về cơ quan Công an làm rõ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại Samsung A12, màu đen, thu giữ của bị can TR, đây là điện thoại TM liên lạc rủ đi thực hiện hành vi phạm tội
- 01 điện thoại Iphone 8 Plus, màu đỏ, 64 GB, thu giữ của bị can T, T dùng liên lạc kêu TM đến phụ giúp bắt giữ anh V
- 01 điện thoại Iphone 11, màu xanh, 128 GB, thu giữ của bị can S dùng liên lạc với anh V yêu cầu trả nợ.
- 01 điện thoại Iphone XS Max, màu đen, 64 GB, thu giữ của bị can TM, dùng liên lạc với bị can S, T
- 01 điện thoại di động Iphone 6S plus màu hồng, thu giữ của anh V. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh V.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150, màu đỏ đen, biển số: 59Y3-72xxx. Kết quả xác minh chủ sở hữu xe là của bị can Hồ Duy TM. TM thừa nhận đã sử dụng xe mô tô này bắt giữ anh Võ Quốc V.

- 01 Xe mô tô Honda Wave, màu đỏ, BS: 59N1 – 67xxx. Kết quả xác minh chủ sở hữu là ông Phan Văn N. Vào tháng 01/2022, ông N đã bán xe mô tô này cho anh Trần Phương TM (anh ruột của bị can Trần Vũ Hoàng TR). Ngày 01/3/2023, anh TM cho TR mượn xe đi làm, không biết TR sử dụng xe mô tô này tham gia bắt giữ Võ Quốc V nên Cơ quan điều tra không thu giữ đối với xe mô tô này.

- 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử có chứa 02 tập tin (file) định dạng hình ảnh trích xuất từ camera tại trước nhà số 18x HVL, liên quan đến vụ án;

- 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử có chứa 07 tập tin (file) định dạng hình ảnh trích xuất từ camera tại nhà của bị can Nguyễn Văn S địa chỉ 11x/xx/x HTL, liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: anh Vũ Quốc V chưa bị chiếm đoạt tài sản nên không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận BT, các bị cáo Nguyễn Văn S, Hồ Duy TM, Nguyễn Ngọc H, Trần Vũ Hoàng TR, Diệp Thị Cẩm T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo T, S, TM, H, TR phù hợp với lời khai bị hại anh V, người làm chứng bà H, chị Trâm, người biết việc ông P cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 351/CT-VKS ngày 17/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Hồ Duy TM, Nguyễn Ngọc H, Trần Vũ Hoàng TR, Diệp Thị Cẩm T ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BT đã đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của các bị cáo N, T và M, đánh giá các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 65 (Đối với bị cáo T) Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Hồ Duy TM, Nguyễn Ngọc H, Trần Vũ Hoàng TR và Diệp Thị Cẩm T phạm vào tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*” và đề nghị xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Văn S với mức án tù: 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và tù: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và đề nghị

tổng hợp hình phạt của cả 02 tội từ: 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù;

2. Bị cáo Hồ Duy TM với mức án từ: 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và từ: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và đề nghị tổng hợp hình phạt của cả 02 tội từ: 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù;

3. Bị cáo Nguyễn Ngọc H với mức án từ: 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và từ: 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và đề nghị tổng hợp hình phạt của cả 02 tội từ: 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng đến 03 (Ba) năm;

4. Bị cáo Trần Vũ Hoàng TR với mức án từ: 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và từ: 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và đề nghị tổng hợp hình phạt của cả 02 tội từ: 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng đến 03 (Ba) năm;

5. Bị cáo Diệp Thị Cẩm T với mức án từ: 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và từ: 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và đề nghị tổng hợp hình phạt của cả 02 tội từ: 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng đến 02 (Hai) 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định;

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng. Về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự: Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị xem xét.

Các bị cáo Nguyễn Văn S, Hồ Duy TM, Nguyễn Ngọc H, Trần Vũ Hoàng TR và Diệp Thị Cẩm T không tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố và nói lời sau cùng xin giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư Tú bào chữa cho các bị cáo S và T trình bày: Thống nhất với quan điểm truy luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên Luật sư cho rằng theo tinh thần của Công văn số 233/2019/HĐTP-TANDTC ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn đối với trường hợp bị cáo phạm tội như trên thì tội phạm bị hút vào tội nặng hơn cụ thể trong vụ án này hành vi của các bị cáo bị hút vào tội nặng hơn là tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Bị cáo S không hề có bất cứ hành vi gì trong việc đe dọa hay đánh đập gì bị hại, việc bị cáo TM đánh bị hại bị cáo không hề chỉ đạo hay xúi giục. Đối với bị cáo T: Bị cáo chỉ ẵm con đi theo chồng là bị cáo S để đòi tiền bị hại V, ngoài ra bị

cáo không hề biết lúc bị cáo TM đánh hay đe dọa cũng như chở bị hại V về nhà, vì lúc đó bị cáo lên lầu cho con ngủ. Bị cáo là lao động chính trong gia đình; Bị cáo đang nuôi con nhỏ; vai trò của bị cáo trong vụ án rất mờ nhạt và không đáng kể. Bị cáo S từng là quân nhân; Gia đình bị cáo là người có công với Cách mạng, ông bà ngoại bị cáo được tặng thưởng nhiều huân, huy chương kháng chiến. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

Luật sư Cường bào chữa cho các bị cáo TM, TR và H trình bày: Thống nhất với quan điểm truy luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư Tú. Tuy nhiên Luật sư cho rằng mức án đối với các bị cáo là hơi nghiêm khắc. Mặc dù bị cáo TM có sử dụng vũ lực đánh anh V nhằm bắt giữ bị hại V, do đó hành vi của các bị cáo được hút vào tội danh nặng hơn là tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo tinh thần của Công văn số 233/2019/HĐTP-TANDTC ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn đối với trường hợp bị cáo phạm tội như trên thì tội phạm bị hút vào tội nặng hơn. Ngoài ra các bị cáo nhận thức Pháp luật còn hạn chế. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo TM được hưởng mức án nhẹ hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị; Các bị cáo TR và H được hưởng mức án bằng với thời gian tạm giam cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra - Công an quận BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận BT, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn S, Hồ Duy TM, Nguyễn Ngọc H, Trần Vũ Hoàng TR và Diệp Thị Cẩm T, đã khai nhận toàn bộ hành vi: Vào khoảng 21 giờ ngày 01/02/2023, tại trước số 18x HVL, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị can Nguyễn Văn S, Hồ Duy TM, Nguyễn Ngọc H, Trần Vũ Hoàng TR và Diệp Thị Cẩm T sử dụng yếu tố đông người áp đảo về tâm lý làm cho Võ Quốc V cũng như người thân (bà H và chị T) sợ không dám phản kháng nên đã ép buộc V đi theo nhằm ép buộc anh V trả tiền

cho S. Sau đó, các bị can đưa anh V về nhà của bị can S tại địa chỉ 11x/xx/x HTL, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại nhà của bị can S, các bị can thay phiên nhau canh giữ không cho anh V rời khỏi nhà trong một khoảng thời gian từ khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01/02/2023 đến khoảng 00 giờ 45 phút ngày 02/02/2023. Hành vi bắt, giữ anh V của các bị can S, TM, TR, H và T nhằm mục đích ép anh V phải trả tiền nợ, đồng thời tạo áp lực, uy hiếp về tinh thần làm cho người thân của V là bà Huỳnh Thị H, chị Trần Thị Huyền T sợ anh V bị đánh, đã bị bắt giữ đưa đi nên phải hứa hẹn bán tài sản để trả tiền nợ cho anh V. Sau đó, các bị can bị phát hiện, bắt giữ. như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi nêu trên của các bị cáo cáo Nguyễn Văn S, Hồ Duy TM, Nguyễn Ngọc H, Trần Vũ Hoàng TR và Diệp Thị Cẩm T đã phạm vào tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 và 1 Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đánh giá nội dung vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo S, TM, H, TR và T về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp cố ý phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo không những gây hoang mang cho bị hại, ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nơi công cộng. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này với mức án tương xứng mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa cho toàn xã hội.

Xét các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, bộc phát nhất thời, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Bị cáo S là người rủ rê, khởi xướng việc phạm tội, các bị cáo TM, TR và H là người giúp sức tích cực, bị cáo T là người giúp sức với vai trò rất hạn chế và mờ nhạt, bị cáo là người lo giữ và ẵm con, khi thấy TM tát bị hại là anh V bị cáo từ bên đường chạy qua can ngăn TM. Do đó, từng bị cáo phải chịu trách nhiệm

hình sự trong vụ án này với mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi và nhân thân của từng bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

Đối với các bị cáo TM, H và TR: Bị cáo có 01 tiền sự; do đó Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử xét lời bào chữa của các Luật sư là có cơ sở chấp nhận một phần về các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo.

Tuy nhiên khi lượng hình, xét thấy các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo S từng là quân nhân, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, ông bà ngoại bị cáo được tặng thưởng nhiều huân, huy chương kháng chiến; Bị cáo T là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ; Bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò rất hạn chế và mờ nhạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 (khoản 2 đối với các bị cáo S và T) Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định.

[3] Về hình phạt bổ sung: Không.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Võ Quốc V vắng mặt tại phiên tòa. Anh V không bị thiệt hại gì và không yêu cầu bồi thường gì về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 điện thoại Samsung A12, màu đen, thu giữ của bị can TR, đây là điện thoại TM liên lạc rủ đi thực hiện hành vi phạm tội

- Đối với: 01 điện thoại Iphone 8 Plus, màu đỏ, 64 GB, thu giữ của bị cáo T, liên quan đến tội phạm.

- Đối với: 01 điện thoại Iphone 11, màu xanh, 128 GB, thu giữ của bị can S dùng liên lạc với anh V yêu cầu trả nợ.

- Đối với: 01 điện thoại Iphone XS Max, màu đen, 64 GB, thu giữ của bị can TM, dùng liên lạc với bị can S, T.

- Đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150, màu đỏ đen, biển số: 59Y3-726.85. Kết quả xác minh chủ sở hữu xe là của bị can Hồ Duy TM. TM thừa nhận đã sử dụng xe mô tô này bắt giữ anh Võ Quốc V.

Hội đồng xét xử xét tất cả vật chứng trên là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

- Đối với: 01 điện thoại di động Iphone 6S plus màu hồng, thu giữ của anh V. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh V nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với: 01 Xe mô tô Honda Wave, màu đỏ, BS: 59N1 – 67xxx. Kết quả xác minh chủ sở hữu là ông Phan Văn Ngxxx. Vào tháng 01/2022, ông Ngung đã bán xe mô tô này cho anh Trần Phương TM (anh ruột của bị can Trần Vũ

Hoàng TR). Ngày 01/3/2023, anh TM cho TR mượn xe đi làm, không biết TR sử dụng xe mô tô này tham gia bắt giữ Võ Quốc V nên Cơ quan điều tra không thu giữ đối với xe mô tô này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với: 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử có chứa 02 tập tin (file) định dạng hình ảnh trích xuất từ camera tại trước nhà số 18x HVL, liên quan đến vụ án, tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

- Đối với: 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử có chứa 07 tập tin (file) định dạng hình ảnh trích xuất từ camera tại nhà của bị cáo S địa chỉ 11x/xx/x HTL, liên quan đến vụ án, tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[6] Đối với hành vi cho vay của Nguyễn Văn S, do S cho anh V vay với lãi suất 03% - 04%/01 tháng, mức lãi suất S cho anh V vay chưa gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và S chưa có tiền án tiền sự về hành vi này nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý S về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có cơ sở.

[7] Các bị cáo các bị cáo Nguyễn Văn S, Hồ Duy TM, Nguyễn Ngọc H, Trần Vũ Hoàng TR và Diệp Thị Cẩm T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 và Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 (và khoản 2 đối với các bị cáo S và T) Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58; Điều 65 (đối với bị cáo T) Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S: 01 (Một) năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả 02 tội là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 13/6/2023.

1.2 Xử phạt bị cáo Hồ Duy TM: 01 (Một) năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả 02 tội là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 13/6/2023.

1.3 Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H: 01 (Một) năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 01 (Một) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả 02 tội là 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 13/6/2023.

1.4 Xử phạt bị cáo Trần Vũ Hoàng TR: 01 (Một) năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 01 (Một) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Tổng

hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả 02 tội là 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 13/6/2023.

1.5 Xử phạt bị cáo Diệp Thị Cẩm T: 09 (Chín) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 01 (Một) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả 02 tội là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Diệp Thị Cẩm T cho Ủy ban nhân dân phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại Samsung A12, màu đen,
- 01 điện thoại Iphone 8 Plus, màu đỏ, 64 GB,
- 01 điện thoại Iphone 11, màu xanh, 128 GB,
- 01 điện thoại Iphone XS Max, màu đen, 64 GB.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150, màu đỏ đen, biển số: 59Y3-72xxx.

(Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân đang tạm giữ các vật chứng trên theo Phiếu nhập kho số NK24/56TAM ngày 20/11/2023).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Hồ Duy TM, Nguyễn Ngọc H, Trần Vũ Hoàng TR và Diệp Thị Cẩm T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo được hưởng án treo)

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- CQĐTCA Q.Bình Tân;
- CQ THAHSCA Q.Bình Tân;
- NTG CA Q.Bình Tân;
- Phòng PC64- CATPHCM;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS Q.Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án –Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vũ Thanh Phương